

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Đề án);

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án phù hợp với tình hình thực tế, thế mạnh của địa phương nhằm phát huy tối đa giá trị của hệ sinh thái rừng cả về kinh tế, xã hội, môi trường, trên cơ sở phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, đa mục đích, đa giá trị, sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

2. Yêu cầu

- Phát triển đa dụng hệ sinh thái rừng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia đầu tư, khai thác và chia sẻ lợi ích từ các giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở hài hòa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia đầu tư phát triển, khai thác giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng.

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh về giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng của địa phương trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; đảm bảo phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên về môi trường, sinh thái, xã hội và các quy định hiện hành.

- Khai thác giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng phòng hộ và đa dạng sinh học của khu rừng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, phát huy đôi đa giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; liên kết theo chuỗi từ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản; thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững giá trị của rừng theo định hướng quy hoạch lâm nghiệp; huy động tối đa nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào hoạt động lâm nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao trữ lượng các-bon từ rừng, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ, chế biến gỗ, du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân 1,5%/năm;

- Phát triển nguồn nguyên liệu từ rừng trồng trong tỉnh, đáp ứng tối thiểu 28% nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu, tiến tới giảm dần nguyên liệu nhập khẩu, đảm bảo tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu. Giá trị xuất khẩu lâm sản đạt khoảng 2,5 tỷ USD vào năm 2025 và đạt khoảng 2,8 tỷ USD vào năm 2030.

- Tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 duy trì đạt 28,34%; đến năm 2030 đạt 27,4%

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, duy trì phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao chức năng phòng hộ của rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, phát huy tác dụng của rừng để phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu;

- Thực hiện mở rộng thu tiền của các dịch vụ môi trường theo quy định nhằm tăng nguồn thu, giảm chi ngân sách, tạo nguồn tài chính cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các – bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; phấn đấu đến năm 2025 thu tiền dịch vụ môi trường rừng bình quân đạt 45 tỷ đồng/năm và đến năm 2030 đạt bình quân 50 tỷ đồng/năm.

- Triển khai thực hiện đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, đến năm 2025 có 5/5 chủ rừng xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án Du lịch sinh thái

nghi dưỡng, giải trí trong rừng; mời gọi các doanh nghiệp liên kết, hợp tác, thuê môi trường rừng để lập dự án đầu tư.

- Góp phần từng bước giảm chi ngân sách cho ngành Lâm nghiệp; tăng nguồn thu hợp pháp cho các chủ rừng, từng bước hướng tới cơ chế tự chủ tài chính và sử dụng nguồn thu để đầu tư lại cho hoạt động quản lý, bảo vệ rừng; ổn định đời sống của trên 8.000 hộ nhận khoán đất lâm nghiệp, tiếp tục duy trì, ổn định việc làm cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp chế biến và thương mại lâm sản.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ

- Xây dựng chuỗi liên kết trồng rừng giữa Công ty chế biến gỗ với các chủ rừng để đẩy nhanh việc hình thành chuỗi giá trị sản phẩm, chủ động nguồn nguyên liệu và đảm bảo cung ứng, nâng diện tích gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu hợp pháp cho sản xuất, chế biến, chia sẻ lợi ích, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người trồng rừng, xây dựng thương hiệu ngành gỗ, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế và đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa.

- Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng trong nước cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc cấp mã số vùng trồng, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Duy trì và mở rộng diện tích rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn hiện có gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, đồng thời tiếp tục chuyển hóa từ rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tại Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp La Ngà và Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc.

- Xây dựng Khu lâm nghiệp công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghiệp chuyên ngành chế biến gỗ tại huyện Xuân Lộc với quy mô khoảng 600ha, dự kiến sẽ phát triển thành một Trung tâm đồ gỗ lớn của cả nước theo định hướng phát triển ngành chế biến gỗ của Tỉnh cũng như chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia. Phát triển công nghệ phụ trợ phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các chủ rừng tiếp tục tham gia trồng rừng sản xuất gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững; đồng thời tổ chức tập huấn, phổ biến các quy định về quản lý rừng bền vững, phát triển rừng trồng

gỗ lớn và chúng chỉ quản lý rừng bền vững.

2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; chú trọng nắm vững thông tin về các loài quý hiếm có giá trị kinh tế cao gồm các thông tin: vùng phân bố, loài, diện tích, trữ lượng tại Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, từ đó đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng vùng sinh thái.

- Thực hiện thí điểm mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng trồng là rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo phương thức lâm – nông kết hợp tại các đơn vị chủ rừng như Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp La Ngà; lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương.

- Tập trung phát triển ổn định vùng nguyên liệu trầm hương (cây Dó bầu) tại huyện Định Quán, Tân Phú.

3. Phát triển các hình thức lâm, nông, ngư kết hợp

- Rà soát, đánh giá các mô hình lâm, nông, ngư kết hợp hiện có tại các đơn vị chủ rừng; lựa chọn các mô hình đạt hiệu quả kinh tế, đáp ứng đúng quy định về sản xuất lâm, nông, ngư kết hợp trong rừng để chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng mô hình.

- Thực hiện thí điểm mô hình lâm, nông, ngư kết hợp tại các đơn vị chủ rừng; lựa chọn loài cây trồng có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Việc thực hiện lâm, nông, ngư kết hợp phải đảm bảo không gây mất rừng, không làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng.

4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

Phát huy tối đa dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ lâm nghiệp, đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, các dịch vụ hấp thụ các-bon; phát huy lợi ích chi trả dịch vụ môi trường rừng góp phần tích cực trong công tác bảo vệ rừng, cải thiện đời sống cho người dân gần rừng; giữ vững diện tích cung ứng bình quân 157.000 ha/năm, phấn đấu thu bình quân trên 50 tỷ đồng/năm; thực hiện chi trả cho các đối tượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng kịp thời, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng hiệu quả, đúng quy định, chất lượng rừng ngày càng được nâng cao, bền vững; mở rộng ứng dụng công nghệ số trong xác định diện tích, chất lượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng; chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng.

5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Các chủ rừng có tiềm năng về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thực hiện xây dựng, tổ chức triển khai các Đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng ở Núi Chúa Chan, Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú và Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành.

Tạo điều kiện thuận lợi để mời gọi các nhà đầu tư có tiềm năng, kinh nghiệm tham gia đầu tư dự án thuê môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; kết nối các chương trình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong và ngoài tỉnh.

(Chi tiết danh mục nhiệm vụ cụ thể theo phụ lục đính kèm)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách hiện hành, Luật Lâm nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp trên cơ sở Luật Lâm nghiệp 2017, đảm bảo hài hòa với Luật Đất đai, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật liên quan và các điều ước quốc tế, để đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC đối với rừng trồng sản xuất. Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với đầu tư phát triển, kinh doanh rừng sản xuất theo chuỗi giá trị; hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

Thực hiện nghiêm quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh; toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp phải được quản lý trên cơ sở phương án quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, giá trị kinh tế, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường;

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất như liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng trong việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ.

3. Về khoa học và công nghệ

- Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất từ khâu chọn tạo, nhân giống đến trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác rừng, vận chuyển, chế biến và bảo quản lâm sản nhằm tăng năng suất và chất lượng rừng trồng theo hướng bền vững.

- Tiếp tục áp dụng các giải pháp lâm sinh có chất lượng kỹ thuật cao trong trồng rừng thâm canh cung cấp nguyên liệu gỗ lớn; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác chuyển hóa rừng, nuôi dưỡng làm giàu rừng, khoanh nuôi, trồng rừng, cải tạo rừng, kết hợp công tác khuyến lâm xây dựng các mô hình trồng rừng bền vững giải quyết hài hòa các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường.

- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ về khuyến lâm nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho người làm nghề rừng.

4. Về tổ chức sản xuất

- Thực hiện đánh giá, tổng kết các mô hình về trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; tổng kết các mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng để lựa chọn, nhân rộng mô hình phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Triển khai, hướng dẫn các quy định về sản xuất nông lâm kết hợp để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến rừng.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban quản lý rừng; tổ chức giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định.

- Xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng; phát triển hài hòa giữa sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ để duy trì và phát triển sinh kế bền vững của người làm nghề rừng.

- Xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo quy định; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ rừng và phát triển rừng.

5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị chủ rừng tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, yêu ngành yêu nghề, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và phát triển rừng bền vững, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân bằng các hình thức phong phú và đa dạng tạo sự thay đổi về nhận thức bảo vệ rừng; nâng

cao nhận thức của chính quyền các cấp về trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng cam kết bảo vệ rừng; xây dựng thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng trồng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp, phát triển du lịch sinh thái.

6. Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, trọng tâm là các loài động thực vật nguy cấp quý hiếm, các chương trình hợp tác phục hồi rừng tự nhiên, tăng cường thực thi pháp luật Lâm nghiệp.

- Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp, tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, tăng cường thu hút các nguồn vốn quốc tế, thương mại cacbon rừng; hợp tác giáo dục đào tạo; tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến; hội nhập kinh tế quốc tế về phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung lâm sản toàn cầu.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN

Các đơn vị, địa phương rà soát, nghiên cứu, căn cứ các quy định hiện hành, điều kiện thực tế, nguồn lực kinh phí để tham mưu đề xuất xây dựng chương trình, dự án hỗ trợ thực hiện Đề án. Trong đó ưu tiên các chương trình, đề án, dự án cụ thể như sau:

- Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.
- Bảo tồn, phát triển, khai thác, chế biến, thương mại bền vững lâm sản ngoài gỗ.
- Phát triển các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị trong lâm nghiệp, mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp dưới tán rừng, hiệu quả, bền vững.
- Phát triển thương hiệu sản phẩm; giới thiệu thông tin về chính sách, khoa học kỹ thuật, thị trường trong nước và quốc tế của các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, du lịch và dịch vụ môi trường rừng.
- Triển khai các hoạt động về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; dịch vụ bảo vệ, duy trì cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định.
- Thu hút các nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế tham gia các dự án phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng, thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; trong phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của các đơn vị chủ rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt; nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

2. Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với nội dung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình, đề án, dự án có liên quan theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hiệu quả Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất, hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu và theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công; cân đối và bố trí vốn, tính toán các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác, hướng dẫn các thủ tục đầu tư để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung liên quan.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện đề án theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chính quyền địa phương hướng dẫn các đơn vị chủ rừng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung liên quan.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học; xây dựng chương trình, nhiệm vụ dự án quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Sở; lồng ghép, gắn kết các nội dung quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường.

5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, trong đó có lồng ghép xúc tiến thương mại lâm sản; nghiên cứu đề xuất các chương trình, đề án xúc tiến thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu lâm sản, hỗ trợ quảng bá sản phẩm thế mạnh của tỉnh. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung liên quan.

6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển giá trị đa dạng của hệ sinh thái rừng.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu triển khai thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

8. Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định danh mục các loài cây dược liệu quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao tại địa phương. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật nuôi trồng, phát triển các loài dược liệu; quy trình nhân giống các loài dược liệu; định hướng sơ chế, chế biến các loài dược liệu sau thu hoạch.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến các tổ chức, cá nhân đang sinh sống trên địa bàn; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo tổ chức các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng trên địa bàn quản lý; bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển lâm nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; trong đó chú trọng các hoạt động như trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trồng được liệu dưới tán rừng, nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các địa phương, đơn vị trên cơ sở nhiệm vụ được giao, hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch thực Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, đơn vị, địa phương triển khai tổ chức thực hiện đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị thực hiện (Mục VII);
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

**Phụ lục**

Triển khai thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(kèm theo Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030			
I	Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị ngành chế biến gỗ			
1	Xây dựng chuỗi liên kết trồng rừng giữa Công ty chế biến với các chủ rừng để đẩy nhanh việc hình thành chuỗi giá trị sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hiệp hội gỗ Đồng Nai, các đơn vị chủ rừng, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
2	Tăng tỷ trọng nguồn cung cấp nguyên liệu gỗ hợp pháp trong nước, có chứng chỉ FSC	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị chủ rừng, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
3	Duy trì và mở rộng diện tích rừng kinh doanh gỗ lớn, chuyển hóa từ kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
4	Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn các quy định về quản lý rừng bền vững và phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị chủ rừng, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2024-2030
II	Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu			
1	Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng vùng sinh thái	Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2025-2030
2	Thực hiện thí điểm mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng trồng phòng	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở,	2025-2030

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	hộ, sản xuất		ngành, địa phương liên quan	
3	Xây dựng và duy trì vùng nguyên liệu Trầm hương (Gió bầu) tập trung tại huyện Định Quán, Tân Phú	huyện Định Quán, huyện Tân Phú	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị chủ rừng, các Sở, ngành, địa phương liên quan	2025-2030
III	Phát triển các hình thức lâm, nông, ngư kết hợp			
1	Khảo sát, đánh giá, các mô hình lâm, nông, ngư kết hợp hiện có, lựa chọn mô hình đạt hiệu quả để chia sẻ, nhân rộng	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các Sở, ngành, địa phương liên quan	2025-2026
IV	Phát triển dịch vụ môi trường rừng			
1	Phát triển dịch vụ môi trường rừng	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2024-2030
2	Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu dịch vụ môi trường rừng	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2024-2030
V	Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí			
1	Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các đề án du lịch sinh thái	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ngành, địa phương có liên quan	2024-2030
B	Tầm nhìn đến năm 2050			
	Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp trở thành nền kinh tế kỹ thuật hiện đại, hiệu lực, hiệu quả có sức cạnh tranh cao; phát huy hiệu quả, lợi thế, tiềm năng rừng nhiệt đới; công nghệ hiện đại và	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2050

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	thân thiện môi trường; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển bền vững.			
	Về kinh tế: phát triển lâm nghiệp bền vững, hội nhập quốc tế, phát huy hiệu quả, tiềm năng của rừng nhiệt đới, phần đầu trở thành trung tâm sản xuất, chế biến và thương mại lâm sản hàng đầu cả nước. Về xã hội: góp phần quan trọng xây dựng đất nước an toàn, thịnh vượng, nông thôn giàu đẹp, văn minh trên cơ sở cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế xanh gắn với tài nguyên rừng, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống; đảm bảo quốc phòng an ninh. Về môi trường: quản lý bền vững, bảo tồn lâu dài tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.	Các đơn vị chủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2050